TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2019
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Hoàng Quang Thanh
- Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGD ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bo Thị T - sinh năm: 1987, địa chỉ cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Mấu T - sinh năm: 1978, địa chỉ cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bo Thị T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà T và ông Mấu T tự nguyện kết hôn năm 2007 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 ngày 11/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ bà T, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không lo làm ăn, nhậu nhẹt, về nhà kiếm cớ kình cãi rồi đánh đập bà T. Bản thân ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bỏ nhà qua đêm, thích thì đi thích thì về; bà T góp ý nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Bà T và ông T sống ly thân từ tháng 10/2018, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 02 con chung là Bo Ninh T sinh ngày 19/8/2007 và Bo Kim B sinh ngày 22/6/2011. Hiện các cháu đang sống với bà T, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Khi ly hôn bà

T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Mấu T không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc,Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 03/7/2019 tại Công an xã C, ông Mấu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã C, huyện C và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Bo Thị T và ông Mấu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 26/9/2019 và ngày 17/10/2019; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà T và ông T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007 được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 ngày 11/10/2007; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn thương yêu và quý trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, từ tháng 10/2018 đến nay, bà T và ông T đã sống ly thân. Bà T xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 02 con chung là Bo Ninh T sinh ngày 19/8/2007 và Bo Kim B sinh ngày 22/6/2011. Các cháu hiện đang sống với bà T và đã có cuộc sống ổn định, bản thân các cháu đều có nguyện vọng được ở với bà T. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Bo Thị T được ly hôn với ông Mấu T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Bo Ninh T sinh ngày 19/8/2007 và cháu Bo Kim B sinh ngày 22/6/2011 cho bà Bo Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Bo Thị T không yêu cầu ông Mấu T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Bo Thị T và ông Mấu T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Bo Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007601 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận : **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh